

Tích lũy và khắc phục khủng hoảng tài chính Châu Á - bài học cho hôm nay

*T*rong điều kiện suy thoái kinh tế toàn cầu, nhà nước có thể sử dụng những biện pháp nào và vai trò của nhà nước ra sao để có thể sớm khắc phục được hậu quả của khủng hoảng kinh tế? Bài viết giới thiệu những bài học kinh nghiệm bổ ích về vấn đề nêu trên.

1. Tích lũy ở các nước tư bản trước thế kỷ XX

Như chúng ta đã biết, tương quan giữa tổng sản phẩm quốc nội bỏ vào mở rộng sản xuất (phần vốn hóa của GDP) và tổng GDP gọi là mức tích lũy tính là phần trăm (%) GDP. Ở các nước phương Tây, mức tích lũy này tăng dần theo đà đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, từ khoảng 11% GDP đầu thế kỷ XIX tăng lên 25% GDP vào cuối thế kỷ XIX, tới thập niên 20 của thế kỷ XX vào khoảng 20% GDP và xoay quanh mức này (20%) đến hết thế kỷ XX.

Từ cuối thế kỷ XX về sau, trừ Nhật Bản, còn các nước phương Tây không thực hiện công nghiệp hóa trên quy mô rộng lớn trong thời gian lịch sử ngắn. Sử liệu còn lại cho phép nêu lên, trong quá trình hiện đại hóa nền kinh tế, các nước phương Tây không làm cách mạng công nghiệp (Industrial revolution) theo nghĩa thay cũ đổi mới công nghệ, mà các nước này chỉ dựa vào sự tiến hóa của công nghiệp (Industrial evolution) để hiện đại hóa nền kinh tế. Bởi vì trong thời gian hiện đại hóa này, tương quan giữa tích lũy và tiêu dùng khá ổn định, chỉ giảm hay tăng một chút khi nền kinh tế bị suy thoái, lâm vào khủng hoảng hay phục hồi, phát triển ổn định.

Chẳng hạn, mức tích lũy bình quân năm trong thời gian 1890 – 1913 ở Mỹ là 23,4%; trong thời gian 1951 – 1973 ở Đức là 25,8%, ở Italia là 28,5%. Hiện nay mức này ở Ôxtraylia là trên 25% GDP.

Trong số những nước phát triển có mức tích lũy cao nhất sau Thế chiến thứ 2 phải nói đến Nhật Bản. Ở Nhật, vốn đầu tư cho phát triển kinh tế trong thời gian 1951 – 1973 là 31,75% GDP, trong thời gian 1974 – 1990 là 39,3% GDP. Kinh nghiệm này của Nhật tác động mạnh đến các nước đang phát triển Châu Á.

2. Quan hệ giữa tích lũy và tăng trưởng GDP ở các nước Châu Á

Các công trình nghiên cứu quá trình hiện đại hóa nền kinh tế của một số nước Châu Á cho biết, giữa tích lũy và khả năng năng động của nền kinh tế có mối liên hệ qua lại mật thiết với nhau. Cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, đa số nước công nghiệp mới (NIC) Châu Á có mức tích lũy vào khoảng 25 – 30% GDP, cho phép các nước này thực hiện có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế.

Ngay trong thời gian khủng hoảng tài chính Châu Á (1997 – 1998), mức tích lũy khu vực này cuối thập niên 90 cao hơn cuối thập niên 70. Do vậy, có thể nói rằng trong 20 năm cuối cùng của thế kỷ XX, Châu Á trở thành “công xưởng” của thế giới, là thời gian tích lũy nhiều nhất, một số nước và vùng lãnh thổ sớm đạt được tích lũy cao, cũng sớm được lọt vào danh sách những nước có nền kinh tế và công nghệ tiên tiến của khu vực.

Mặc dù bị khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997 – 1998, nhưng tốc độ tăng GDP 4 năm cuối thế kỷ XX ở Châu Á vẫn cao. Mức

tích lũy của đa số nước Châu Á cuối thế kỷ XX vẫn ổn định ở mức cao hơn thập niên 70 của thế kỷ này. Mức tích lũy cao nhất trong thập niên 80 và 90 là ở Ấn Độ và Pakistan, khoảng 17 – 24%; Iran từ 15% năm 1995 tăng lên 27% năm 2000. Ở Thổ Nhĩ Kỳ trước thời gian khủng hoảng tài chính (trước năm 2000 – 2001), mức tích lũy cao, nhưng sau khủng hoảng bị giảm từ 25% xuống còn 16%. Ở Việt Nam nhờ đường lối đổi mới kinh

tế, nên tỷ trọng đầu tư phát triển trong GDP từ 10% năm 1985 tăng lên 30% đầu thế kỷ XXI.

Nguy hiểm nhất của khủng hoảng tài chính là nó làm giảm mức tích lũy cho phát triển, giảm mạnh nhất là ở 5 nước NIC.

Sau đây là mức tăng trưởng GDP (A) tính là % so với năm trước và mức tích lũy (B) tính là % GDP ở 5 nước NIC (1996 – 2002).

Năm Nước	1996		1997		1998		1999		2000		2001		2002	
	A	B	A	B	A	B	A	B	A	B	A	B	A	B
Indônêxia	7,8	30,7	4,7	31,8	-13,1	16,8	0,8	11,4	4,9	22,0	3,8	22,0	4,3	21,4
Hàn Quốc	7,0	38,9	4,7	36,0	-6,9	25,0	4,5	29,1	5,8	31,0	3,8	29,3	7,0	29,1
Malaixia	10,0	41,5	7,3	43,0	-4,7	26,7	6,1	22,0	8,9	26,9	0,5	24,4	5,4	24,8
Philippin	5,9	24,0	5,2	24,8	-0,6	20,3	3,4	18,8	4,9	21,2	1,8	19,0	4,4	17,7
Thái Lan	5,9	41,8	-1,4	33,7	-10,5	20,8	4,4	20,5	4,8	22,8	2,2	24,1	5,3	23,8

Nguồn: Key Indicators for Asia and the Pacific 2008 ADB Manila 2008 p146.

Bảng trên cho thấy rằng, ở năm đầu khủng hoảng tài chính (2-7-1997) chỉ tiêu tăng GDP (A) ở 5 nước NIC đều giảm, nhưng giảm mạnh nhất là ở Thái Lan (nơi khởi nguồn của khủng hoảng tài chính) giảm 1,4%; còn chỉ tiêu đầu tư phát triển (B) chỉ có 2 nước bị giảm, mạnh nhất là ở Thái Lan giảm 8,1% (41,8 – 33,7) và Hàn Quốc giảm 2,9% (33,9 – 36,0).

Nhằm khắc phục ảnh hưởng xấu của khủng hoảng tài chính đến nền kinh tế, các nước thường hạ lãi suất và áp dụng các biện pháp khác, kể cả cấm trao đổi đồng nội tệ qua tài khoản đầu tư, đôi khi phá giá đồng nội tệ do IMF bảo trợ. Kết quả là GDP bị giảm khi tính lại theo tỷ giá mới (tỷ giá đồng nội tệ bị mất giá so với ngoại tệ mạnh).

Như vậy là suy cho cùng, trái phiếu – tiền kho bạc nhà nước phát hành được IMF bảo trợ làm lợi cho nhà đầu tư. Mức lợi này tương đương mức hại của nhà nước. Người mua trái phiếu này chủ yếu là các nhà đầu tư Âu, Mỹ.

Các công trình nghiên cứu cho thấy rằng, không thể hiện đại hóa và đạt tăng trưởng cao nếu không có tích lũy đầu tư cao. Ở giai đoạn đầu công nghiệp hóa, mức tích lũy ở 5 nước NIC vào khoảng 25 – 30%, sau khi hoàn tất giai đoạn này, mức tích lũy bắt đầu giảm ở Malaixia từ 43% (1997) xuống còn 22% (1998).

Ở một số nước Châu Á - nhất là ở 2 nước lớn như Trung Quốc - Ấn Độ, sau khi ra khỏi suy thoái kinh tế sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa vẫn được tiếp tục.

Các số liệu thống kê hằng năm ở các nước cho phép tính được chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng - đó là chỉ tiêu hàm lượng vốn tăng trưởng. Hàm lượng này là tương quan giữa mức tích lũy và chỉ tiêu tăng trưởng GDP hằng năm. Nó cho biết cần đầu tư bao nhiêu vốn để nền kinh tế có thể tăng được 1% GDP so với năm trước hay để nền kinh tế tăng được 1 đơn vị giá trị.

Trong 30 năm qua ở các nền kinh tế thế giới, hàm lượng vốn tăng trưởng có chiều

hướng giảm, vì mức tăng trưởng kinh tế (GDP) giảm thường xuyên. Ví dụ, ở các nước phát triển, GDP tăng trưởng bình quân năm trong thời gian 1961 – 1971 từ 5% giảm còn 2,2% trong thời gian 1991 – 2000.

Ở các nước phát triển, vào đầu thế kỷ XX, hàm lượng vốn tăng trưởng bình quân vào khoảng 10, nghĩa là muốn GDP tăng 1 USD thì phải đầu tư 10 USD - mức cao nhất trong lịch sử các nước này. Còn ở các nước đang phát triển Châu Á, hàm lượng vốn tăng trưởng ở mức thấp hơn, nhưng không có chiều hướng tăng vì vốn đầu tư đem lại hiệu quả cao, GDP tăng ổn định hàng năm; hàm lượng ấy ở Cadastan là 2,5, Pakistan là 3,4, Philippin là 4,2, Udobekistan là 4,0, Banglades là 4,5, Việt Nam là 4,6, Malaixia là 5,0, Thái Lan là 5,2, Hồng Kông là 5,5. Xingapo và Thổ Nhĩ Kỳ đều là 5,77.

Những nước sau đây, muốn tăng trưởng được 1% GDP thì hàm lượng vốn đầu tư phải ở mức cao hơn các nước nói trên. Ví dụ: ở Xrilaca là 6,0, Mông Cổ là 6,2, Iran là 6,3, Đài Loan là 6,4, Hàn Quốc là 6,7. Năm 2008, Trung Quốc đầu tư một số tiền khổng lồ để chống suy thoái và đầu tư phát triển. Trong thời gian 2009 – 2010 ngành đường sắt được cấp một số kinh phí tương đương 300 tỷ USD. Hiện nay Trung Quốc chưa hoàn tất sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế.

3. Khắc phục hậu quả khủng hoảng tài chính bằng cách bỏ thêm tiền vào thị trường là chưa đủ

Căng thẳng thị trường tài chính phương Tây hiện nay ảnh hưởng xấu như thế nào đến chất lượng và khối lượng tích lũy của các nước Châu Á? Vấn đề này đang làm đau đầu các nhà kinh tế bản địa. Giữa khu vực tài chính và khu vực sản xuất làm ra sản phẩm cho xã hội đang phát sinh mâu thuẫn. Giải quyết mâu thuẫn này bằng cách nào để giá cả thị trường vốn và thị trường hàng hóa nhích lại gần nhau. Nhà nước cần tài trợ cho ai? Cho người sản xuất, làm ra của cải cho xã hội hay cho các nhà

tài chính đầu cơ buôn bán tiền ở thị trường chứng khoán.

Trước hết phải nói rằng, nhà nước cần làm hết sức mình để giảm thiểu hậu quả khủng hoảng thị trường tài chính đối với các nhà sản xuất, làm ra của cải cần thiết cho xã hội. Vấn đề quan trọng là phải thay đổi cách nhìn mọi sự vật, phải hiểu khắc phục khủng hoảng tài chính, chống suy thoái kinh tế không phải chỉ bằng bỏ ra thêm tiền, hỗ trợ cho các doanh nghiệp đang có nguy cơ bị phá sản, mà chủ yếu là phải hỗ trợ thiết thực cho các ngành sản xuất, làm ra các sản phẩm thiết yếu phục vụ đời sống xã hội và các mục tiêu khác. Nhưng phải phân biệt cái cần thiết trước mắt và cần thiết khi cuộc sống ổn định trở lại, phải hiểu lấy tiền ở đâu, dùng làm việc gì?

Vấn đề này Trung Quốc và các nước khác ở Châu Á đã và đang làm, đang áp dụng nhiều biện pháp chủ yếu để kích thích phát triển sản xuất, nhằm chống suy thoái kinh tế, chống lạm phát. Để nhận được vốn bổ sung, ngân hàng trung ương các nước đang dùng dự trữ quốc gia làm vốn tư bản hóa, cho các doanh nghiệp vay lãi suất thấp, tạo điều kiện cho sản xuất diễn ra liên tục, công nhân không bị mất việc làm, giảm thiểu mất trật tự xã hội.

Nhằm khắc phục tình trạng độc quyền trên thị trường, ổn định giá tiêu dùng, nhà nước cần mua mạng lưới doanh nghiệp tư nhân và ngành sản xuất hàng tiêu dùng, rồi chuyển chúng vào sở hữu công cộng do nhà nước chi phối theo nguyên tắc “không lỗ” và cũng “chẳng lãi”. Ngoài ra, nhà nước cần tài trợ để mua các doanh nghiệp nước ngoài ở nước mình đang sản xuất hàng tiêu dùng nhằm ổn định giá sinh hoạt cho dân; cần dùng vốn dự trữ lập quỹ dự trữ hàng hóa quốc gia cho phép nhà nước can thiệp bằng hàng hóa vào thị trường mỗi khi các mặt hàng thiết yếu phục vụ sinh hoạt hàng ngày bị lên giá quá túi tiền của họ, túi tiền

này chính là số tiền công lao động hàng ngày của họ.

Sau khủng hoảng tài chính Châu Á (1997 – 1998), kinh tế Trung Quốc khá ổn định, Ấn Độ vượt qua khủng hoảng khá dễ dàng; do vậy, làm tương quan lực lượng trên trường quốc tế biến chuyển mạnh. Những quan niệm về những nhân tố đặt nền móng cho những thành tích kinh tế của các dân tộc, các quốc gia giờ đây đã bị thay đổi. Thay đổi về nhận thức các nhân tố này sau khủng hoảng tài chính thường làm người ta hoài cổ, liên tưởng lại những giá trị của quá khứ nhiều hơn cần làm gì trong tương lai.

Kinh tế mở là nền kinh tế luôn làm cho giá cả thị trường nội địa sát hợp với giá cả thị trường thế giới và khu vực. Thị trường mở còn là thị trường hàng hóa, dịch vụ, vốn đầu tư và nhân lực được tự do qua lại. Thế giới đang vận động qua hướng này. Các nước Đông Nam Á cũng đang đi theo hướng thị trường mở. Song, có người cho rằng, trong 10 năm qua sự phát triển và đặc biệt là địa vị Trung Quốc trong nền kinh tế thế giới hiện nay lại khác xa quỹ đạo này – quỹ đạo lưu thông hàng hóa dịch vụ nước ngoài tự do trên thị trường nội địa.

Khác với các nước láng giềng Đông Á, Trung Quốc tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế không theo trình tự dễ - khó - thấp - cao kiểu như làn sóng biển. Đặc biệt, công nghiệp hóa ở Trung Quốc chủ yếu hướng vào thị trường nội địa, tổ chức sản xuất theo chu kỳ khép kín trong nước, do vậy, xuất khẩu từ 5% năm 2007 giảm còn 4,8% trong 6 tháng đầu năm 2008.

Tuy vậy, trong quá trình phát triển kinh tế, Trung Quốc hầu như không bị mất cân đối giữa các vùng miền. Ở các tỉnh sâu trong lục địa luôn tăng trưởng kinh tế, còn các tỉnh duyên hải GDP tăng cũng cao. Đặc biệt, Trung Quốc hiện nay vẫn được coi là một trong những trung tâm kinh tế có khả năng cạnh tranh lành mạnh trên thị trường thế giới.

Thống kê thế giới cho biết, trong 10 năm vừa qua, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Trung Quốc tương đương số FDI vào Đông Nam Á và Mỹ Latinh cộng lại. Nhưng Trung Quốc xử lý và tiêu dùng rất tốt số vốn này, chủ yếu dùng xây dựng các công trình sản xuất nhà xưởng và các công trình kinh tế khác ở những vùng miền ít tốn công và chi phí giải phóng mặt bằng.

Ở Trung Quốc, các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài được kiểm tra, giám sát từ trong ra ngoài. Còn đầu tư nước ngoài, kể cả trong quá trình khu vực hóa - được coi là phương án hiện đại hóa dựa vào “tự lực cánh sinh” (tự lực cánh sinh là ngôn từ được dùng phổ biến trên sách báo Trung Quốc bấy lâu nay). Có điều đáng nói là phần lớn hàng hóa và dịch vụ nước ngoài nhập vào thị trường Trung Quốc đều bị Trung Quốc hóa cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh xã hội Trung Quốc.

Khi nói đến tác động qua lại giữa kinh tế Trung Quốc với kinh tế thế giới, người ta thường nhắc tới thuật ngữ “nhất thể hóa” – trước hết được hiểu là nhất thể hóa giữa Trung Quốc với Hồng Kông và với Ma Cao, còn tương lai là với Đài Loan (nhưng trường hợp này là không bắt buộc).

Những công trình nghiên cứu vốn đầu tư nước ngoài trên thế giới từ năm 1999 lại đây cho biết, hiện nay vốn FDI có xu hướng bị bão hòa ở đa số nước và vùng lãnh thổ Đông Nam Á, như ở Trung Quốc. Hồng Kông, Ma Cao, ở cả Nhật Bản, Thái Lan và Hàn Quốc. Do vậy, các công ty xuyên quốc gia phương Tây có thể sẽ không thu được lợi nhuận cao như trước, nếu đầu tư vào khu vực Châu Á có giá sinh hoạt cao, còn nếu đầu tư vào những nước có giá nhân công còn rẻ thì có thể thu được lợi nhuận. Hiện nay lao động xã hội ở khu vực này đã được phân công lại trên quy mô toàn Châu Á để mỗi nước đều có thể khai thác, tận dụng triệt để lợi thế so sánh của mình ở nước cho phép, nhằm làm ra những sản phẩm nhiều khả năng cạnh tranh về giá trên trường quốc tế, góp phần

phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

4. Vai trò nhà nước trong khắc phục hậu quả khủng hoảng tài chính

Chiến lược phát triển và chính sách cải cách tài chính, kinh tế của các nước Châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, thậm chí cả Brazil đều nhằm nâng cao lực lượng sản xuất của nước mình, góp phần phát triển kinh tế thế giới. Chính sách chiến lược này được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, rút kinh nghiệm thành bại, khắc phục hậu quả khủng hoảng tài chính Châu Á (1997 – 1998) của các nước, khu vực, cho nên đang trở thành chính sách, chiến lược phổ biến của các nước, khu vực Châu Á, đang được các nước này làm cơ sở để cải cách các tổ hợp kinh tế lớn của mình – các tổ hợp lớn về quy mô, giá cả các mặt hàng làm ra và về cơ cấu tổ chức so với các tổ hợp sản xuất của thế giới. Sự cải cách như vậy sẽ làm giảm tác động của toàn cầu hóa, làm cho các chu kỳ phát triển kinh tế tiếp sau chủ yếu hướng vào thị trường nội địa, ít hướng ngoại, nhằm giảm thiểu tác động xấu của khủng hoảng kinh tế khu vực hay toàn cầu, nếu có.

Các nước phát triển cũng có nhiều dự đoán xây dựng trên cơ sở kinh nghiệm của bản thân và trên cơ sở theo dõi quá trình phát sinh, phát triển và suy thoái kinh tế mang tính chu kỳ ở các nền kinh tế thế giới. Trong 10 năm qua, các nước này luôn xây dựng kịch bản có khả năng tự đảm bảo cho nền kinh tế nước mình phát triển.

Hiện nay, các nước lớn trong nhóm G-4 (BRTK - Brazil, Nga, Ấn Độ và Kitai) đều chung quan điểm về các vấn đề kinh tế – chính trị của thế giới, ngày càng nhích lại gần nhau trên các diễn đàn kinh tế – chính trị khu vực và thế giới, thể hiện rõ nét nhất là vấn đề đòi phương Tây chấm dứt trợ giá hàng nông sản ở vòng đàm phán Doha (Thụy Sĩ). Nhiều nước Châu Á trong thời gian khủng hoảng tài chính

(1997 – 1998) đã đưa ra các chương trình kinh tế và các biện pháp khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng này.

Trong điều kiện mới - điều kiện suy thoái kinh tế toàn cầu, những biện pháp và chương trình kinh tế hiện nay cần được đề ra trên cơ sở xem xét những biện pháp trước đây và thực trạng biến đổi hiện nay về cơ cấu kinh tế, tâm lý xã hội, các khuynh hướng, giá trị tư tưởng mới và các phương tiện thông tin đại chúng. Ở khu vực Châu Á đã thành lập các công ty huy động vốn của nhân dân nhằm phát triển kinh tế, cải thiện cơ cấu thanh toán ngoại thương; có nước đã thu nợ đọng thuế năm trước để tăng thu ngân sách năm nay, tạo nguồn đầu tư phát triển như Ấn Độ; có nước công ty quốc gia lớn đã trả nợ cho nhân dân – như Hàn Quốc; lại có nơi nhà nước mua trái phiếu doanh nghiệp địa phương để giúp doanh nghiệp tăng vốn đầu tư như Trung Quốc.

Sau khủng hoảng tài chính năm 1997 – 1998, hầu hết các nước khu vực Châu Á đều có những cuộc vận động “mùa hàng nội địa là yêu nước”, chống tiêu dùng quá mức cần thiết hàng ngoại nhập. Ngoài ra, ở Châu Á, từ trung ương đến địa phương đều có chương trình huy động vốn trợ giúp thường xuyên y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường, trợ giúp các nhà khoa học hồi hương phục vụ tổ quốc mình. Vai trò không kém phần quan trọng ở đây là phải thiết lập quan hệ, liên lạc với kiều bào mình ở nước ngoài, sử dụng họ trong khả năng có thể để phục vụ phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật mà nhiều nước Châu Á đã làm, như Trung Quốc, Việt Nam. Đó là chưa kể sau thời gian 1997 – 1998, hầu như nước Đông Nam Á nào cũng có các tổ chức tự nguyện, các hội từ thiện...

Tuy khác nhau về hiệu quả của các biện pháp khắc phục hậu quả của khủng hoảng tài chính 1997 – 1998 ở các nước Châu Á, nhưng kinh nghiệm khắc phục hậu quả

này lại rất bổ ích, cần được xem xét, tham khảo để khắc phục hậu quả của khủng hoảng thị trường chứng khoán thế giới hiện nay về các mặt: suy thoái kinh tế, trật tự xã hội, nhất là về tâm lý con người.

Hiện nay Trung Quốc bắt đầu phục hưng công nghiệp ở một số vùng miền của tổ quốc và đã chuyển sản xuất công nghiệp sang một số nước Châu Phi, không hoàn toàn nhằm mục tiêu kinh tế, vì rằng phương Tây vẫn còn là đối tác thương mại, vẫn là thị trường chủ yếu nhập hàng hóa Trung Quốc. Nếu giải quyết được mâu thuẫn giá cả hàng hóa giao thương giữa 2 khu vực, thì thương mại 2 chiều sẽ tiến triển tốt hơn, thuận lợi hơn. Đó là do hàng ngoại thương của phương Tây biến động theo cung cầu trên thị trường, còn của Trung Quốc thì phần lớn lại do Nhà nước chỉ đạo (can thiệp).

Khủng hoảng thị trường chứng khoán thế giới hiện nay chẳng những khác về quy mô, cường độ và hệ lụy so với khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 – 1998 ở chỗ, nó làm cho hàng tiêu dùng, vật tư, nhiên liệu gia tăng, làm các nước phương Tây có xu hướng bảo hộ mậu dịch; còn ở Trung Quốc có truyền thống bảo vệ thị trường nội địa thì nay lại đề ra chiến lược tự do thương mại.

Hiện nay Trung Quốc là thành viên của nhóm G4 (BRIC), đạt được nhiều thành

tựu kinh tế – xã hội trong kế hoạch tự lực cánh sinh, hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu, buộc các nước, nhất là nước lớn như Nga phải tìm cách hội nhập kinh tế thế giới hiệu quả nhất, phù hợp với khả năng của mình;

bởi vì trong điều kiện toàn cầu hóa các nền kinh tế ngày càng sâu rộng hiện nay, phân công lao động xã hội diễn ra trên quy mô toàn thế giới, không nước nào đóng cửa, nằm ngoài quỹ đạo này lại có thể phát triển được kinh tế, nâng cao được đời sống cho nhân dân mình.

Vai trò nhà nước trong việc khắc phục hậu quả của khủng hoảng thị trường tài chính lại được thể hiện rõ ở Trung Quốc, vì để khắc phục hậu quả này, Trung Quốc đã mở cửa thị trường tài chính, luôn cải thiện môi trường đầu tư, thu hút vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp của nước ngoài, đặc biệt Nhà nước giảm dần can thiệp vào giá cả thị trường từ sau khi gia nhập WTO, nhờ vậy mà Trung Quốc vượt qua được khủng hoảng tài chính một cách dễ dàng./.

Nguồn: ladimir.tatsiy@gazprombank.ru.

Trịnh Trọng Nghĩa